

GLOBAL ENGLISH 1	MATHS 1	SCIENCE 1	SMART START 1
<u>Unit 2 Family members</u> Grandpa - Ông Grandma - Bà Mother - Mẹ Father - Bố Sister - Chị (older sister) / Em gái (younger sister) Brother - Anh (older brother) / Em trai (younger brother) Baby - Em bé Home activities - Hoạt động ở nhà Dance - Nhảy múa Read books - Đọc sách Play games - Chơi trò chơi Eat dinner - Ăn tối Run - Chạy Go to the park - Đi đến công viên Watch TV - Xem TV Grammar He is my... Anh ấy là ... của tôi. She is my... Cô ấy là ... của tôi. I _____ with my _____.	Unit 4: Length LB: page 56-65 WB: 49-53 Length: chiều dài Long/ longer/ longest: dài/ dài hơn/ dài nhất Short/ shorter/ shortest: ngắn/ ngắn hơn/ ngắn nhất Tall/ taller/ tallest: cao/ cao hơn/ cao nhất Thin/ thinner/ thinnest: ốm/ ốm hơn/ ốm nhất Wide/ wider/ widest: rộng/ rộng hơn/ rộng nhất	Unit 2.3 Sound moves Learners' book: 32-36 Workbook: 21-22 Changed: thay đổi Comparing: so sánh Far away: xa Move: di chuyển Near: gần	Review: - pen, pencil, book Structure: - It's a pencil.